

Bản án số: **748/2022/HNGĐ-PT**

Ngày: 14-12-2022

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Bà Đoàn Thị Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2022/TLPT-HNGĐ ngày 05/10/2022 về “tranh chấp ly hôn”.

Do bản án sơ thẩm số 700/2022/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5487/2022/QĐ-PT ngày 02/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 14553/2022/QĐ-PT ngày 21/11/2022, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Lê Nho H, sinh năm 1984. (có mặt)

Thường trú: Đường A, thị trấn X, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh;

Chỗ ở: Đường A, xã X, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trịnh Ngọc Anh K thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1984. (có mặt)

Thường trú tại: Ấp A, xã X, Huyện N. Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: Ấp A, Xã X, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn – Ông Lê Nho H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Lê Nho H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Ánh H bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2013, do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, không có mâu thuẫn. Sau đó thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và ngày càng nghiêm trọng, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hạnh phúc gia đình không có. Nhận thấy tình cảm vợ không còn, hôn nhân không thể hàn gắn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Cát T, sinh ngày 28/11/2013, và Lê Nho S, sinh ngày 28/8/2015. Khi ly hôn, ông yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Lê Cát T, còn trẻ Lê Nho S do bà Nguyễn Thị Ánh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông H không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh H trình bày:

Bà và ông Lê Nho H bắt đầu chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2013, có tổ chức đám cưới, do hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Đến khoảng tháng 10 năm 2021 có xảy ra một số mâu thuẫn nhỏ về chuyện gia đình, một phần do tác động từ phía gia đình bà, bên cạnh đó, công việc kinh doanh của chồng bà do ảnh hưởng dịch bệnh gần hai năm không đạt hiệu quả nên tình hình tài chính giảm sút. Từ tháng 10/2021 đến nay, ông H không chung sống cùng mẹ con bà do giận hờn, gần như toàn bộ thời gian đó bà và hai con bị F1 và F0, phải cách ly tại nhà, do ông H có bệnh nền nên việc cách ly càng phải thận trọng hơn. Từ những nguyên nhân trên, nhận thấy mâu thuẫn cũng không đến mức trầm trọng để dẫn đến ly hôn, xét thấy tình cảm vợ chồng có thể hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Cát T, sinh ngày 28/11/2013, và Lê Nho S, sinh ngày 28/8/2015. Khi ly hôn, bà yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng hai con và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 7.500.000 đồng cho mỗi trẻ.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 700/2022/HNGĐ-ST ngày 21/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 8, 9, 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Nho H.

Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Nho H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/7/2022, nguyên đơn ông Lê Nho H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ánh H đồng ý ly hôn với ông Lê Nho H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Cát T, sinh ngày: 28/11/2013 và Lê Nho S, sinh ngày: 28/8/2015. Bà H đồng ý giao 02 con chung cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho bà H do ông H không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

Ngoài ra, ông H còn tự nguyện hỗ trợ cho bà H số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu)/tháng. Số tiền này, bà H được hỗ trợ trong thời hạn 12 tháng. Bắt đầu thực hiện từ tháng 01/2023 vào ngày 09 dương lịch mỗi tháng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông H được ly hôn với bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm do các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Lê Nho H không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm nên đã có đơn xin kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của ông H làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông H:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Nho H và bà Nguyễn Thị Ánh H đã thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ánh H đồng ý ly hôn với ông Lê Nho H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Cát T, sinh ngày: 28/11/2013 và Lê Nho S, sinh ngày: 28/8/2015. Bà H đồng ý giao 02 con chung cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho bà H do ông H không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

Ngoài ra, ông H còn tự nguyện hỗ trợ cho bà H số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu)/tháng. Số tiền này, bà H được hỗ trợ trong thời hạn 12 tháng. Bắt đầu thực hiện từ tháng 01/2023 vào ngày 09 dương lịch mỗi tháng.

Xét, sự thỏa thuận trên của các bên đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm là có cơ sở.

[4] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Nho H; sửa bản án sơ thẩm số 700/2022/HNGĐ-ST ngày 21/7/2022 của Tòa án nhân dân Huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh:

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Lê Nho H và bà Nguyễn Thị Ánh H như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Nho H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ánh H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Cát T, sinh ngày: 28/11/2013 và Lê Nho S, sinh ngày: 28/8/2015. Bà H đồng ý giao 02 con chung cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho bà H do ông H không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông H hỗ trợ cho bà H số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu)/tháng. Số tiền này, bà H được hỗ trợ trong thời hạn 12 tháng. Bắt đầu thực hiện từ tháng 01/2023 vào ngày 09 dương lịch mỗi tháng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Ánh H có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Lê Nho H không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng ông H phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) do ông Lê Nho H chịu, được căn trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) tiền tạm ứng án phí ông Lê Nho H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 40722 ngày 10/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) ông Lê Nho H chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) mà ông H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0041528 ngày 27/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND huyện N, TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện N, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS (Linh/12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thủy Tiên

